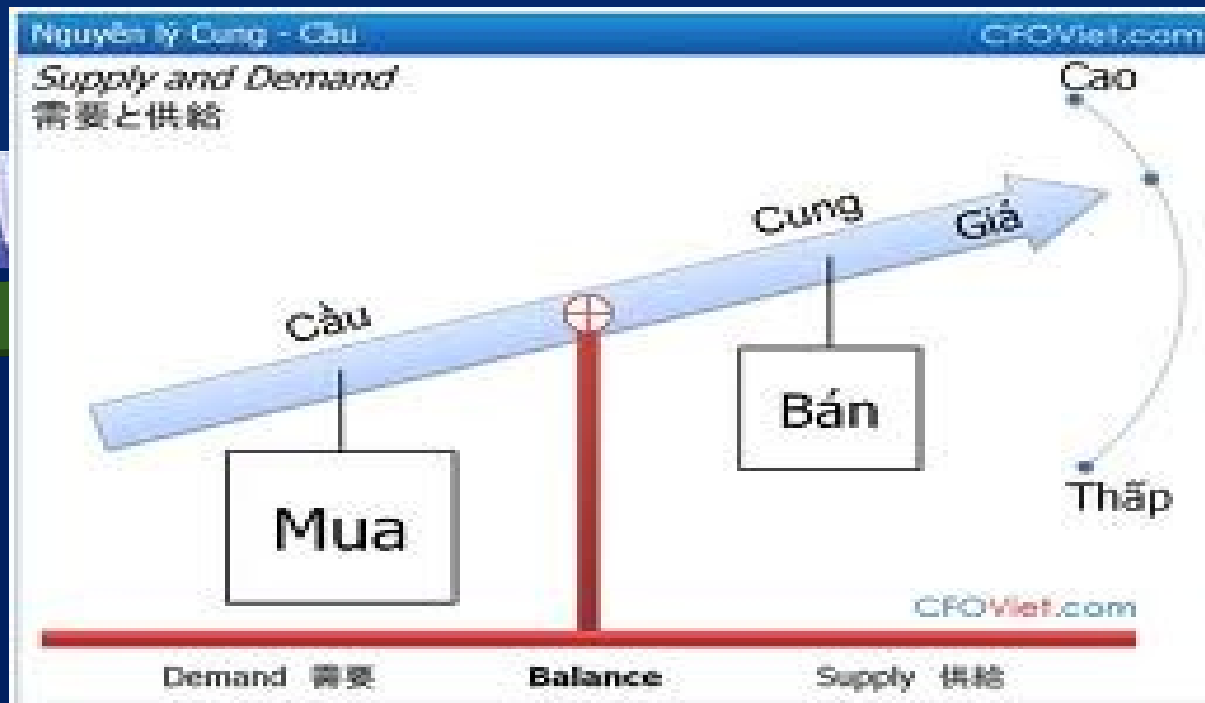


Chương 2

Cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế nông nghiệp



Nội dung

1

Lý thuyết về lợi thế so sánh

2

Lý thuyết về chuỗi cung hàng nông sản

3

LT về tối ưu hóa hiệu quả kinh tế trong SXNN

4

TL cung cầu thị trường nông sản

1. Lý thuyết về lợi thế so sánh

❖ Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của A. Smith

A

100 tấn gạo
200 tấn than

100

giờ lao động

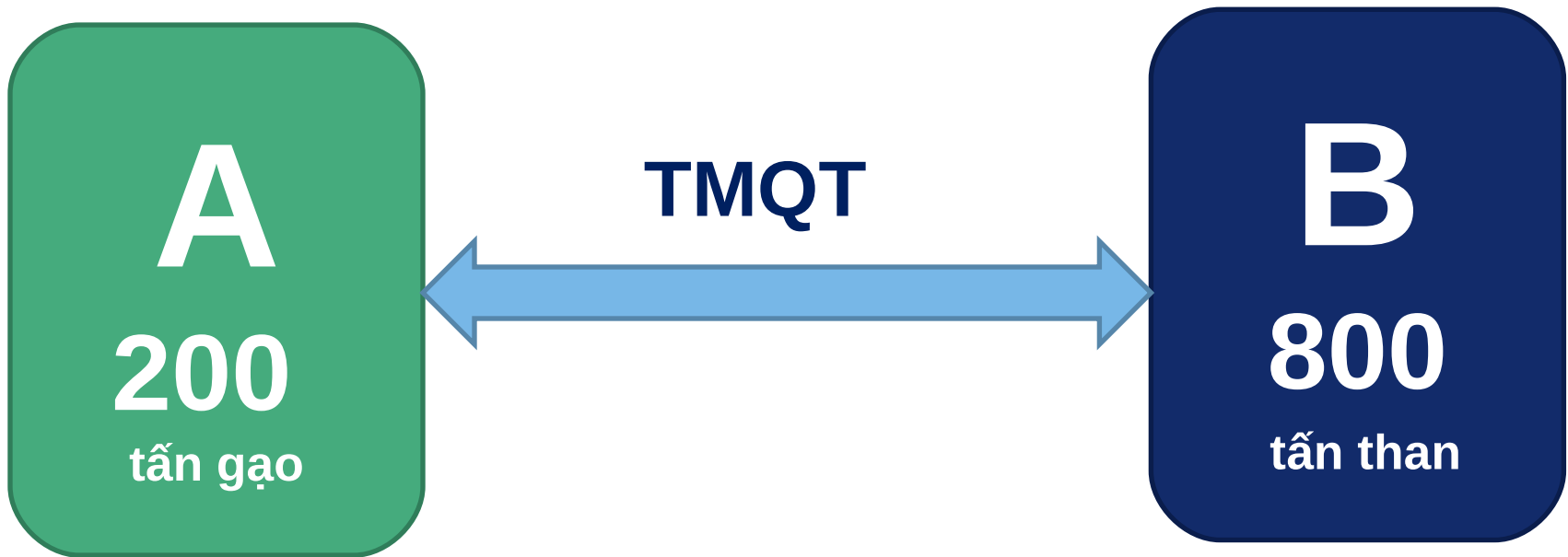
Gạo**Than****B**

80 tấn gạo
400 tấn than

Σ **Gạo: 180 tấn**
Than: 600 tấn

1. Lý thuyết về lợi thế so sánh

❖ Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của A. Smith



Gạo: 200 tấn (+20)

Σ

Than: 800 tấn (+200)

1. Lý thuyết về lợi thế so sánh

- ❖ Lý thuyết về lợi thế tương đối của David Ricardo
 - Ví dụ

Quốc gia	Sản phẩm gạo		Sản phẩm than	
	KQSX (tấn)	So với đối tác (lần)	KQSX (tấn)	So với đối tác (lần)
A	100	1,25	400	2,00
B	80	0,80	200	0,50

1. Lý thuyết về lợi thế so sánh

- ❖ Lý thuyết về lợi thế tương đối của David Ricardo
 - Ví dụ: ...theo lý thuyết của David Ricardo:

A**800**

tấn Than

Than: + 200**Gạo: - 20****B****160**

tấn Gạo

- Quy đổi:**800 than/160 gạo
(5 than/1 gạo)****- Than: + 200 tấn được
40 tấn gạo****- Gạo: + 20 tấn**

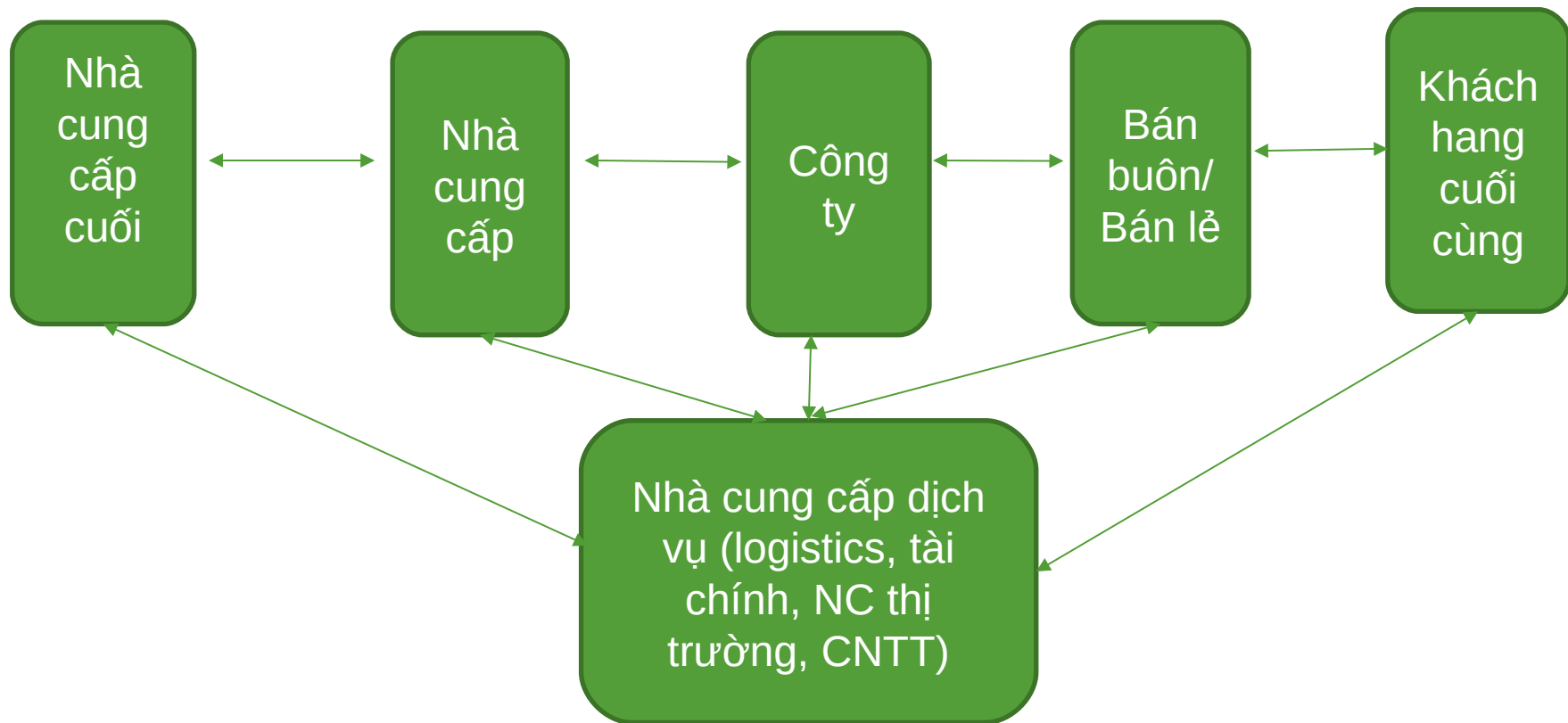
❖ Quan niệm về chuỗi cung ứng

- Chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các doanh nghiệp tham gia (trực tiếp hay gián tiếp) trong việc đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Chuỗi cung ứng là sự liên kết các công ty nhằm đưa sản phẩm hay dịch vụ vào thị trường
- Chuỗi cung ứng bao gồm mọi công đoạn có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Chuỗi cung ứng không chỉ gồm nhà sản xuất và cung cấp mà còn nhà vận chuyển, kho, người bán lẻ và bản thân khách hàng.

❖ Chuỗi cung ứng đơn giản



❖ Chuỗi cung ứng mở rộng

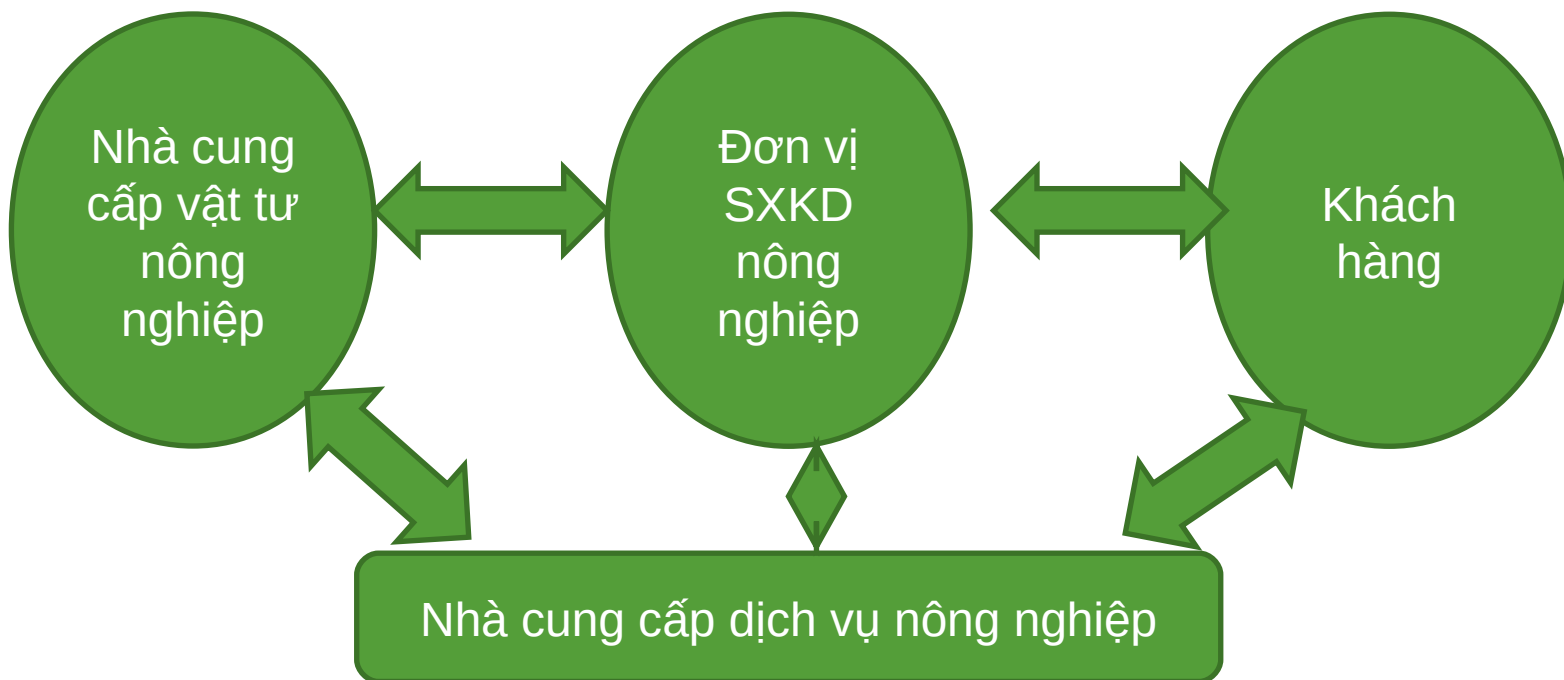


❖ Cấu trúc của chuỗi cung ứng

- Một dây chuyền cung ứng sản xuất bao gồm tối thiểu 3 yếu tố: Nhà cung cấp, bản thân đơn vị sản xuất và khách hàng:
- **Nhà cung cấp:** là các công ty bán sản phẩm, dịch vụ
- **Đơn vị sản xuất:** là nơi sử dụng nguyên liệu dịch vụ đầu vào và áp dụng các quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm cuối cùng
- **Khách hàng:** là người sử dụng sản phẩm của đơn vị sản xuất.

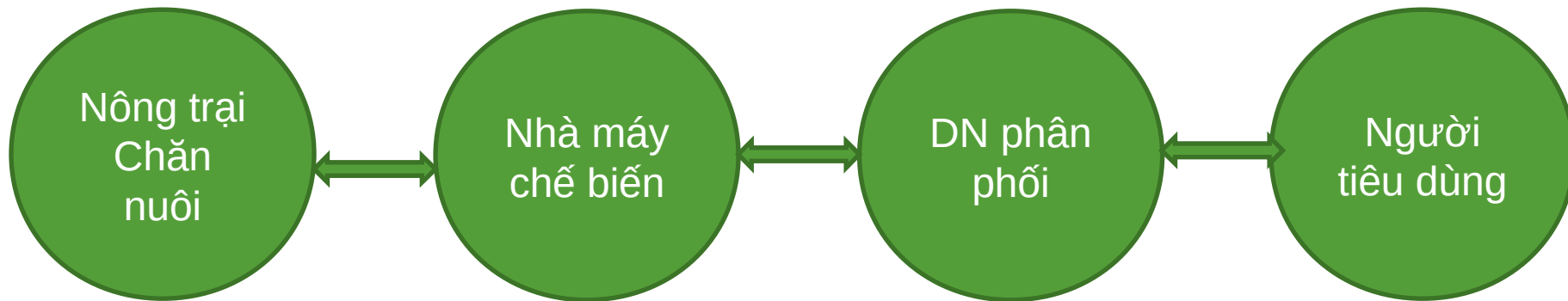
❖ Chuỗi cung ứng nông sản

- Chuỗi cung ứng nông sản bao gồm mọi công đoạn có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng về các loại nông sản.



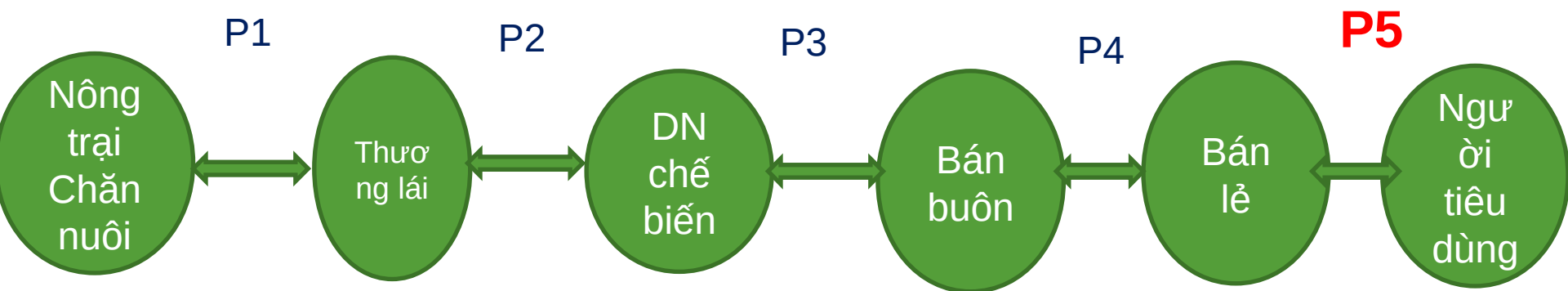
❖ Chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị và chuỗi thị trường nông sản

- **Chuỗi sản phẩm**: là sự liên kết các chủ thể sản xuất trong việc cung ứng một sản phẩm nào đó.



❖ Chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị và chuỗi thị trường nông sản

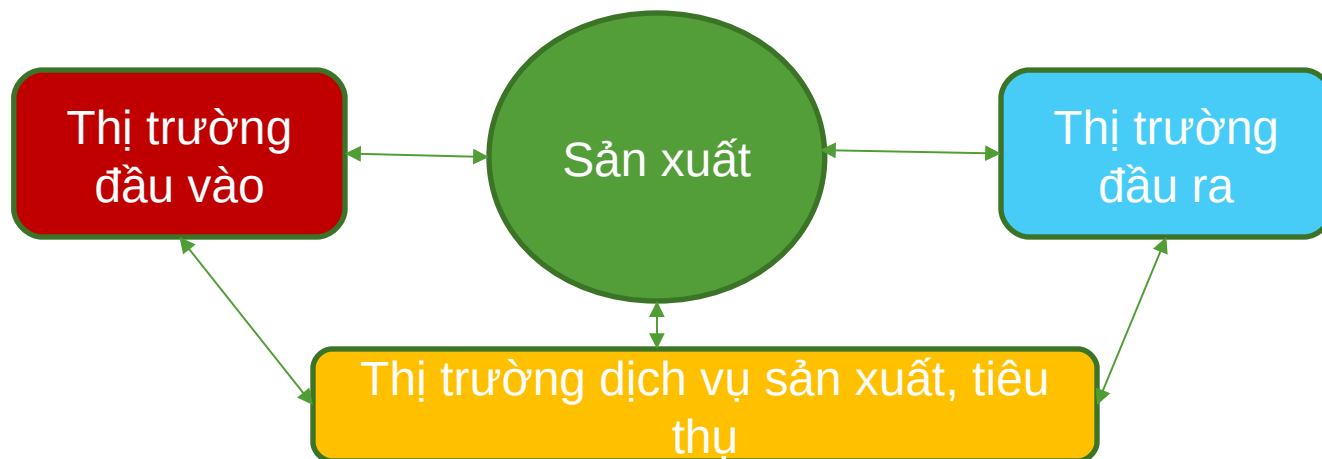
- **Chuỗi giá trị:** Giá trị sản phẩm (cuối cùng) được hình thành thông qua một chuỗi giá trị ở các khâu, công đoạn khác nhau



- Sự chênh lệch giá cả ở 2 khâu liên kế được gọi là **độ cận biên thị trường**

❖ Chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị và chuỗi thị trường nông sản

- **Chuỗi thị trường:** là các thị trường khác nhau cùng tham gia để thực hiện cung ứng một loại nông sản nào đó



- Hàm sản xuất:

$$Q = f(x_1, x_2, x_3, \dots, x_n)$$

Trong đó: Q: Số lượng sản phẩm

$x_1, x_2, x_3, \dots, x_n$: lượng yếu tố đầu vào

- **X** biến đổi ----- **Q** biến đổi
- **Có tối ưu không ?**



1. X & Q

2. X & X

3. Q & Q

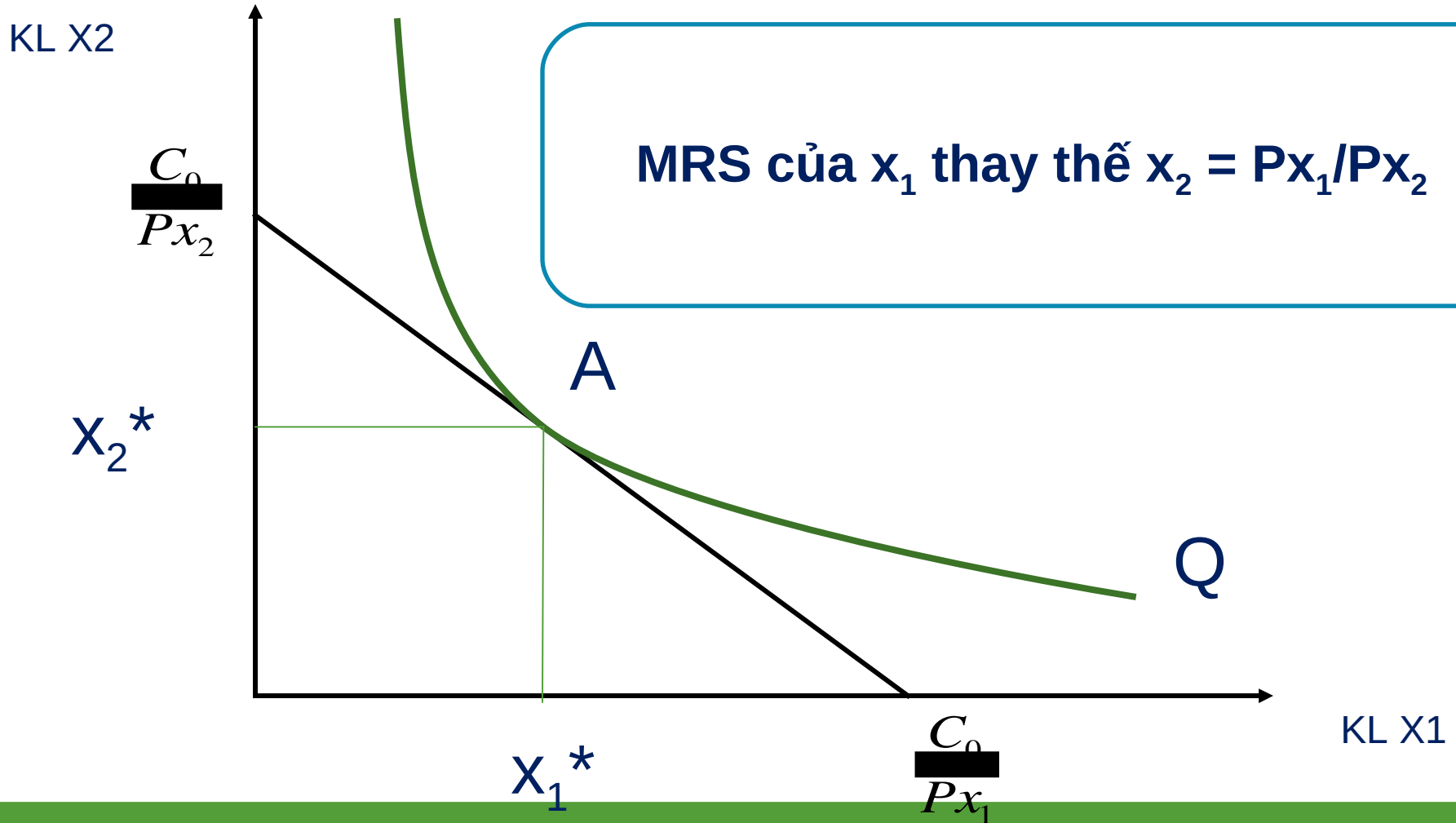
1- X & Q

$$V_{MPX_1} = Px_1$$

$$V_{MPX_1} = MPX_1 \times P$$

2- X & X

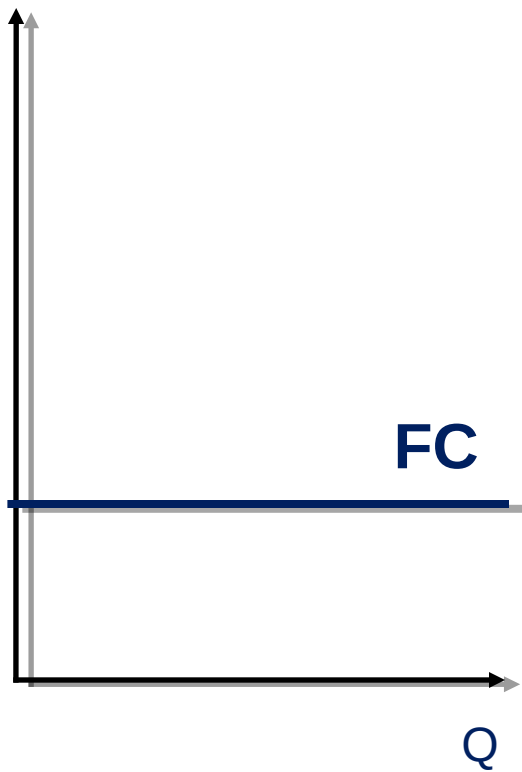
Xác định điểm tối ưu



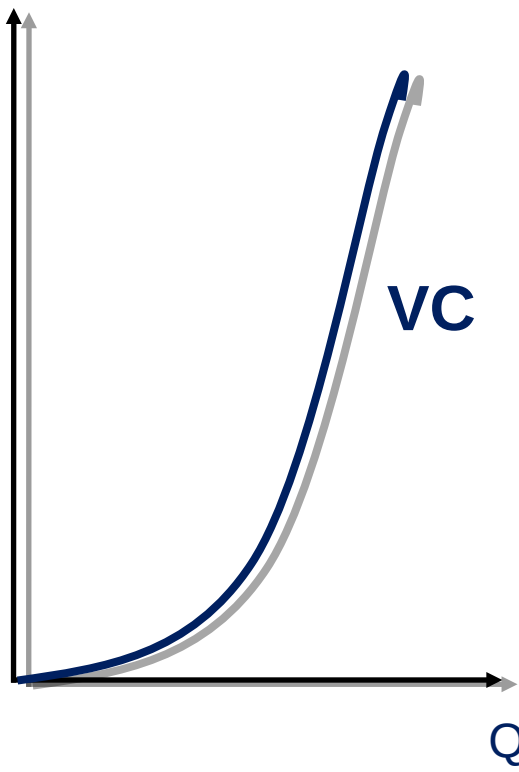
2- X & X

Chi phí sản xuất

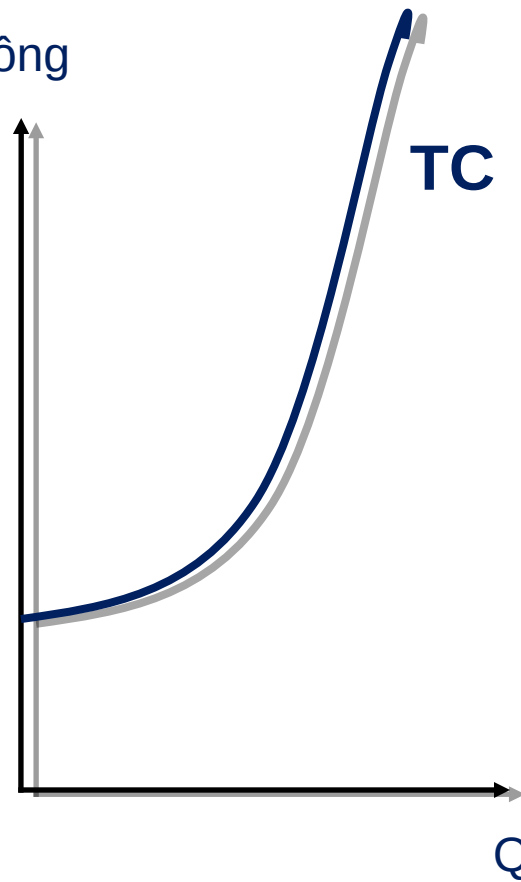
Đồng



Đồng



Đồng



2- X & X

Chi phí cận biên và chi phí bình quân

Chi phí cận biên (MC)

$$MC = \frac{\Delta TC}{\Delta Q} = \frac{\Delta FC + \Delta VC}{\Delta Q} \quad (\Delta FC = 0)$$

$$MC = \frac{\Delta VC}{\Delta Q}$$

2- X & X

Chi phí cận biên và chi phí bình quân

Chi phí
biến đổi
bình quân
(AVC)

$$AVC = \frac{VC}{Q}$$

Tổng chi
phí bình
quân (AC)

$$AC = \frac{TC}{Q}$$

Số lượng sản phẩm (Q)	Tổng chi phí biến đổi (VC)	Tổng chi phí cố định (FC)	Tổng chi phí (TC)	Chi phí cận biên (MC)	Chi phí biến đổi bình quân (AVC)	Chi phí cố định bình quân (AFC)	Tổng chi phí bình quân (AC)
0	-	20	20	-	-	-	-
1	25	20	45	25	25	20,0	45,0
2	45	20	65	20	22,5	10,0	32,5
3	62	20	82	17	20,7	6,7	27,4
4	75	20	95	13	18,8	5,0	23,8
5	90	20	110	18	18,0	4,0	22,0
6	110	20	130	20	18,3	3,3	21,6
7	135	20	155	25	19,3	2,8	22,1
8	175	20	195	40	21,9	8,5	24,4

Các loại chi phí sản xuất nông sản

2- X & X

Tổng thu nhập của nông trại (TR)

$$TR = Q \times P$$

Thu
nhập
cận biên
(MR)

$$MR = \frac{\Delta TR}{\Delta Q} = \frac{\Delta QP}{\Delta Q} = P$$

MR (không đổi) = P, (TR – TC) max, Sản lượng tối ưu

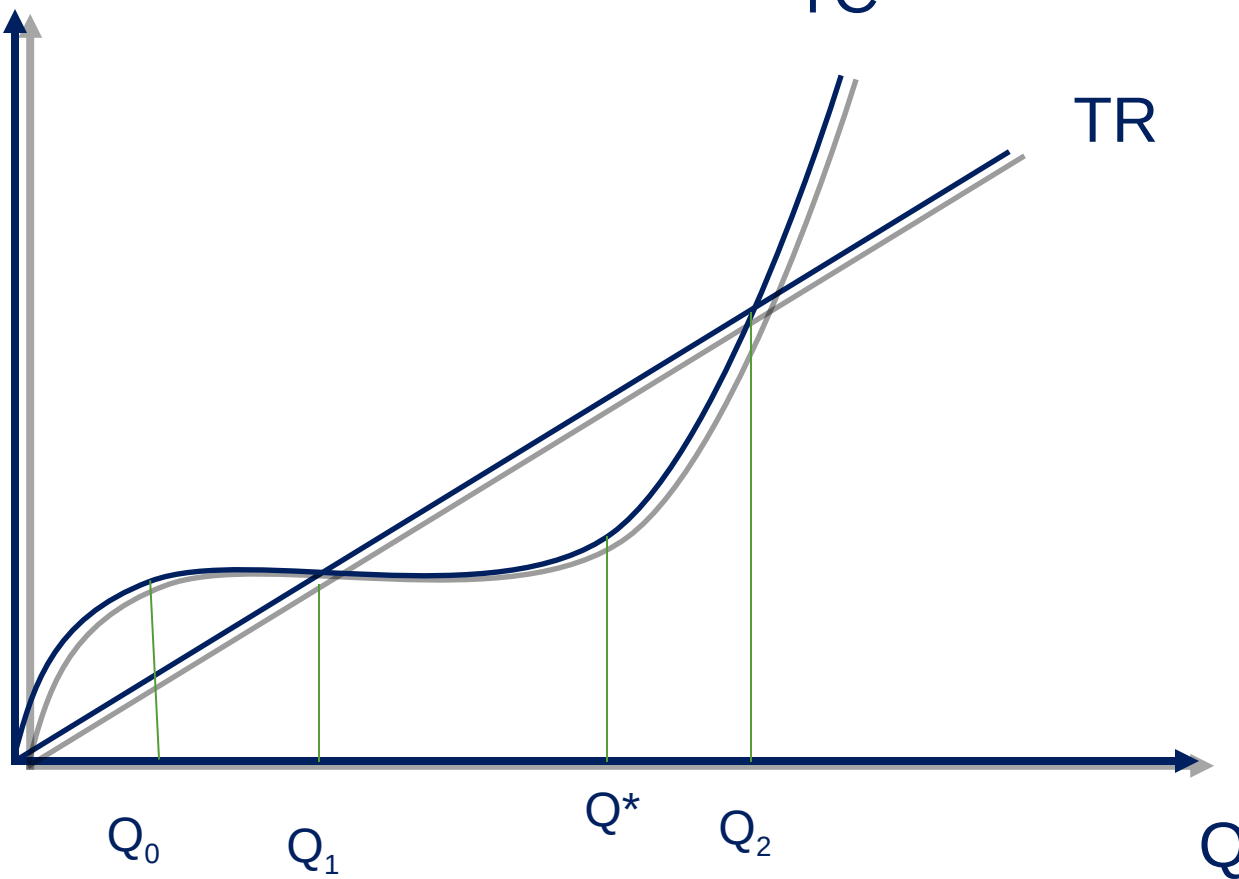
2- X & X

Tổng thu nhập của nông trại (TR)

Đồng

TC

TR

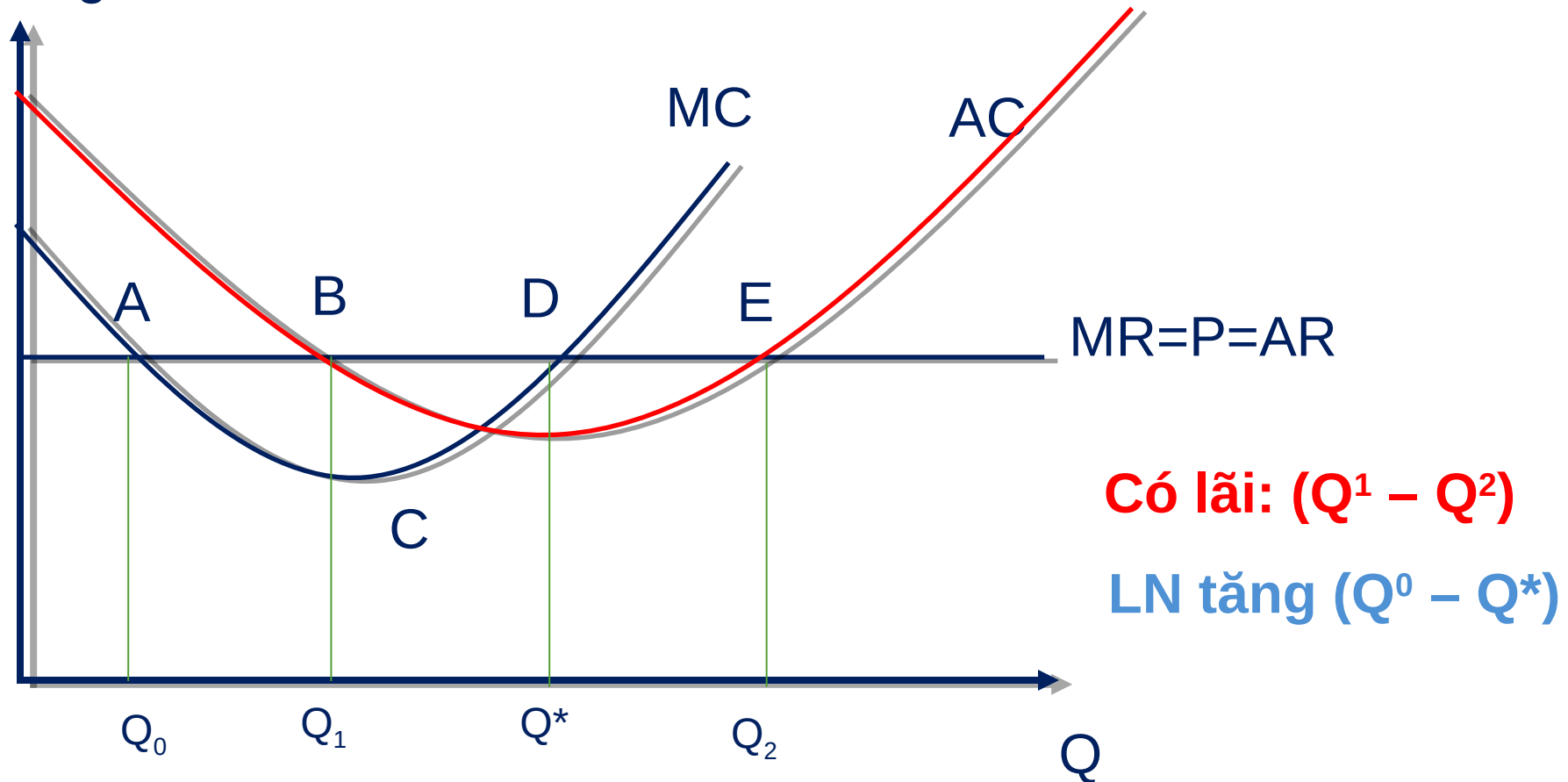


Hiệu quả kinh tế tối ưu trong ngắn hạn

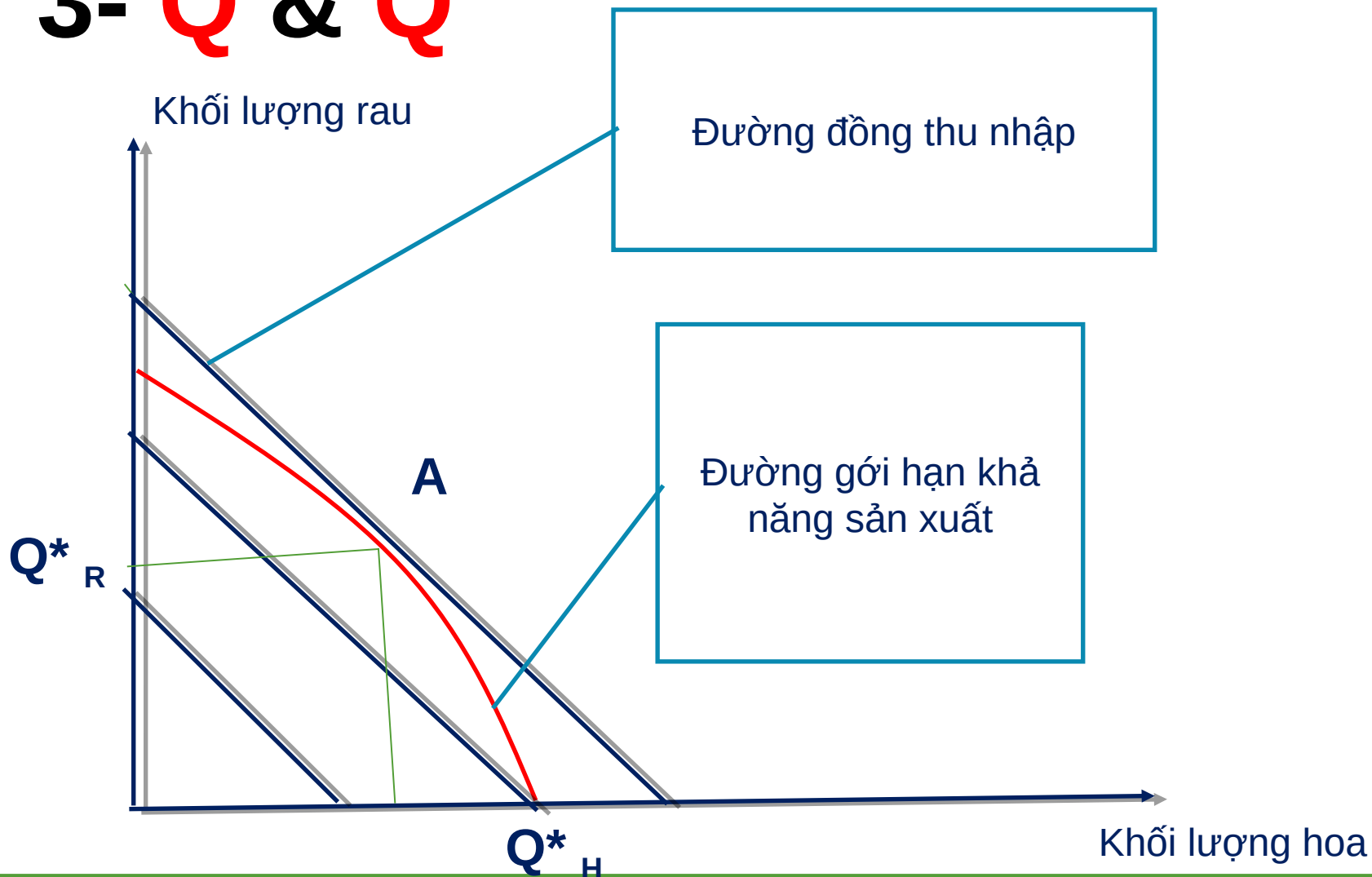
2- X & X

Tổng thu nhập của nông trại (TR)

Đồng

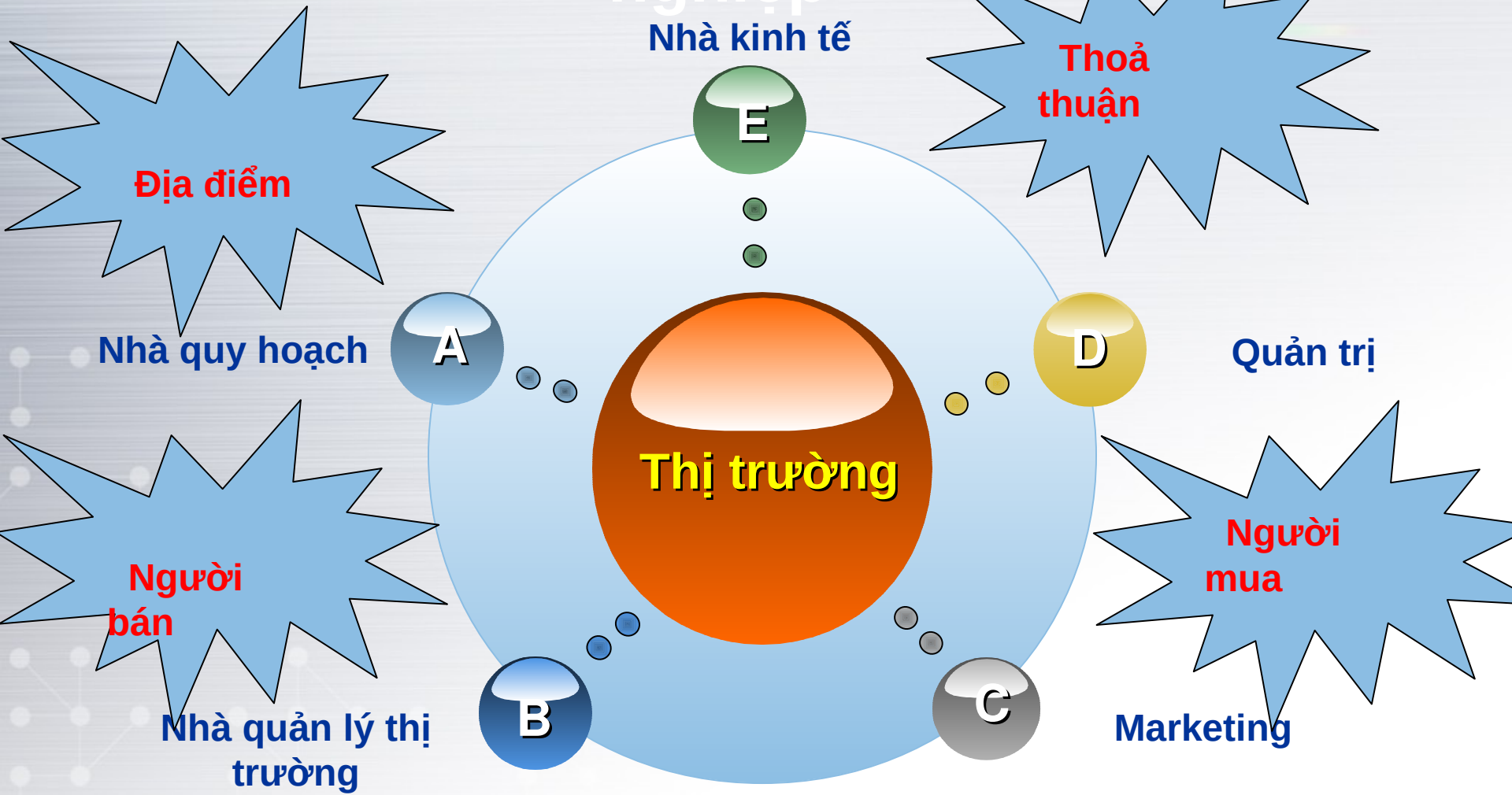


3- Q & Q





Bản chất của thị trường nông nghiệp





Những nhân tố ảnh hưởng đến SXHH và CMH trong nông nghiệp



- Đất đai
- Khí hậu
- Nguồn nước

Cơ sở tự nhiên của phân công lao động



- Đất đai/LĐ
- Thị trường
- Giao thông
- CN chế biến
- Loại SP
- Cơ chế quản lý



- Giống
- Quy trình kỹ thuật
- Công nghệ CB, bảo quản



Những nhân tố ảnh hưởng đến thị trường nông sản

❖ Những nhân tố ảnh hưởng đến cung nông sản

- ❖ Giá của bản thân nông sản hàng hoá
- ❖ Giá của sản phẩm cạnh tranh, sản phẩm thay thế
- ❖ Giá của sản phẩm song đôi
- ❖ Giá của các yếu tố đầu vào
- ❖ Trình độ kỹ thuật sản xuất
- ❖ Các yếu tố môi trường tự nhiên
- ❖ Các chính sách kinh tế của Nhà nước



Những nhân tố ảnh hưởng đến thị trường nông sản

❖ Những nhân tố ảnh hưởng đến cầu nông sản TDCC

❖ Giá của bản thân nông sản hàng hoá

Hệ số co giãn
của cầu theo
giá (E_i)

=

Tỷ lệ phần trăm thay đổi lượng cầu (Q_i)

Tỷ lệ phần trăm thay đổi giá (P_i)

Những nhân tố ảnh hưởng đến E_i

- ❖ Tính sẵn có của hàng hoá thay thế
- ❖ Tính đa công dụng của nông sản
- ❖ Tỷ trọng thu nhập mà người tiêu dùng dành để mua NSTP
- ❖ Tính phổ biến trong tiêu dùng của NS



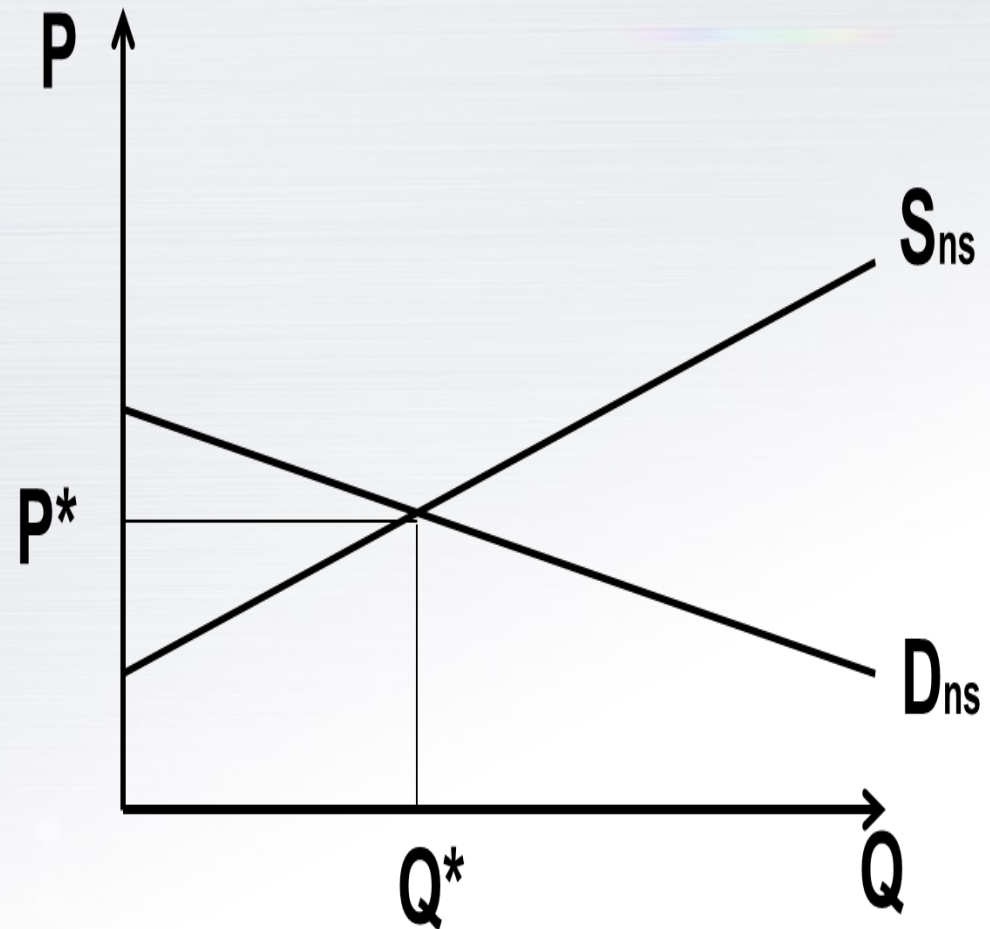
Những nhân tố ảnh hưởng đến thị trường nông sản

- ❖ Những nhân tố ảnh hưởng đến cầu nông sản TDCC
 - ❖ Giá của nông sản thay thế
 - ❖ Tình hình phân phối thu nhập và mức thu nhập của các nhóm dân cư
 - ❖ Thị hiếu và tập quán tiêu dùng của dân cư và phong tục địa phương
 - ❖ Quy mô và tốc độ tăng dân số
 - ❖ Kỳ vọng của người mua



Cân bằng cung cầu thị trường nông sản

- ❖ TTNS đạt trạng thái cân bằng khi giá cả được hình thành ở mức khối lượng nông sản đem bán vừa bằng với nhu cầu người mua và với giá đó không có khuynh hướng biến động giá cả và khối lượng nông sản hàng hóa

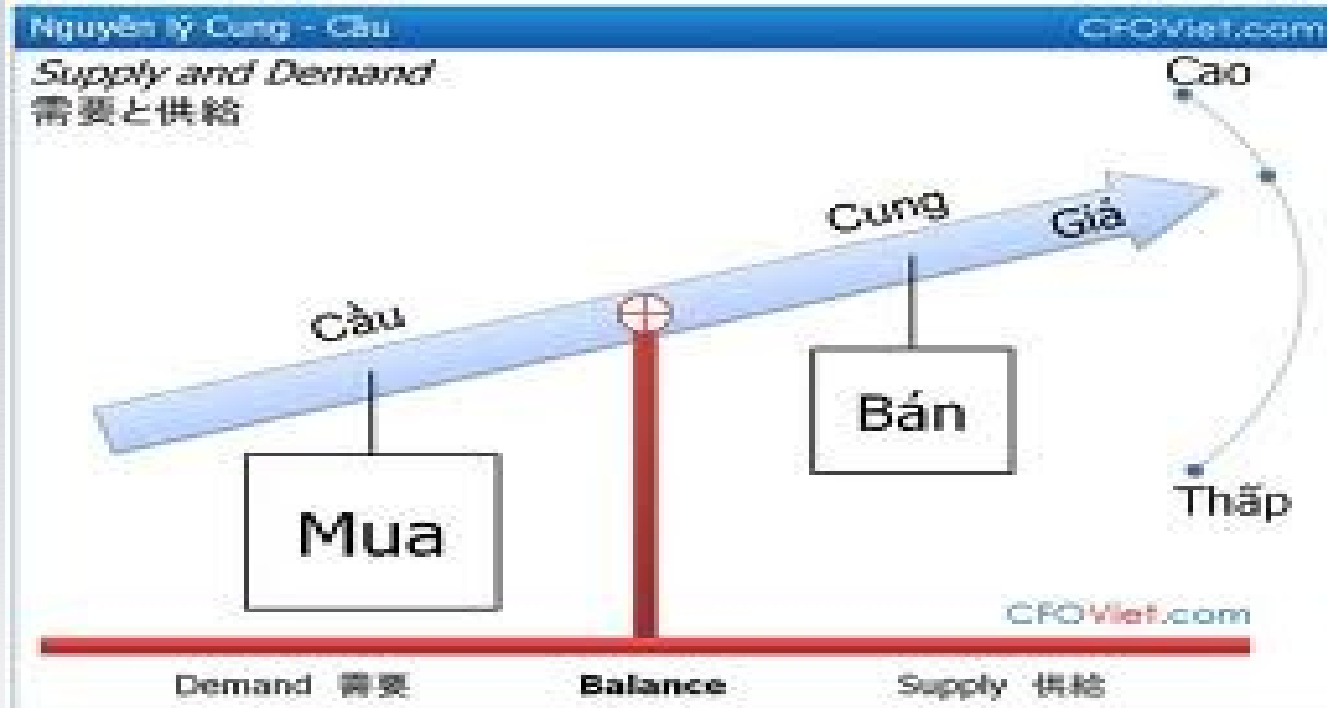




Mất cân bằng cung cầu và vai trò của chính phủ

❖ Mất cân bằng cung cầu nông sản

Được biểu hiện khi giá cả ở mức quá cao hay quá thấp so với giá cân bằng thị trường





Mất cân bằng cung cầu và vai trò của chính phủ

❖ Các biện pháp điều hòa giá cả thị trường nông sản của chính phủ:

- Kiểm soát giá và định mức cung cấp thực phẩm cơ bản
- Định giá trần hoặc giá sàn
- Lập quỹ dự trữ quốc gia
- Một số giải pháp khác:
 - Trợ cấp tiêu dùng nông sản
 - Trợ cấp tạm dừng sản xuất
 - Trợ cấp xuất khẩu
 - Viện trợ lương thực, thực phẩm
 - V.v..